

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

Bản án số: 208/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 07-9-2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Hoàng Hiệp
Bà Tiền Thị Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Niềm - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 177/2026/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 433/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thạch Thị V, sinh ngày 01/01/1992 (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

CCCD số: 094192012128, cấp ngày 19/10/2022.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Anh Lý Văn T, sinh ngày 10/11/1990 (vắng mặt).

CCCD số: 094090010451.

Địa chỉ: Ấp T, xã L, thành phố Cần Thơ (nay là ấp K, xã L, thành phố Cần Thơ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 23/4/2026, nguyên đơn chị Thạch Thị V trình bày:

Vào khoảng cuối năm 2011 chị và anh Lý Văn T có tổ chức lễ cưới với nhau, đến năm 2012 mới đi ký kết hôn trễ hạn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C,

tỉnh Sóc Trăng (nay là UBND xã T, thành phố Cần Thơ) cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/5/2012. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại nhà mẹ ruột của chị ở ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ). Vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Đến khoảng năm 2015 đến nay chị và anh T không còn sống chung với nhau nữa. Do hôn nhân không hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: Lý Văn K, sinh ngày: 08/8/2012 và Lý Văn K1, sinh ngày: 12/11/2013, hiện các con đang sống cùng mẹ, chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung đến khi các con thành niên, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Lý Văn T vắng mặt, không có lời trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho chị V được ly hôn với anh T; Về con chung, giao chị V được quyền nuôi dưỡng 02 con chung tên Lý Văn K, sinh ngày: 08/8/2012 và Lý Văn K1, sinh ngày: 12/11/2013 đến khi con thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không giải quyết do đương sự không yêu cầu. Án phí ly hôn buộc nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Thạch Thị V có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lý Văn T. Bị đơn anh Lý Văn T có nơi cư trú tại ấp K, xã L, thành phố Cần Thơ. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ. Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho bị đơn là anh Lý Văn T theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, anh Lý Văn T vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị V có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thạch Thị V và anh Lý Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã T, thành phố Cần Thơ) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/5/2012, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Từ năm 2015 đến nay, anh chị đã ly thân, không còn quan tâm hay sống chung với nhau nữa. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị Thạch Thị V là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị V và anh T có 02 con chung là cháu Lý Văn K (sinh ngày 08/8/2012) và cháu Lý Văn K1 (sinh ngày 12/11/2013). Khi ly hôn, chị V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Qua lấy khai, các cháu K và K1 có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ là chị Thạch Thị V. Hơn nữa, thực tế các cháu đang sống cùng chị V và học tập ổn định. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt, sự phát triển bình thường của các con chung, cần giao hai cháu Lý Văn K và Lý Văn K1 cho chị Thạch Thị V trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của chị V về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thạch Thị V khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị Thạch Thị V phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp, chị V đã nộp xong án phí.

[6] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Thạch Thị V được ly hôn với anh Lý Văn T.

2. Về con chung: Giao chị Thạch Thị V được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là các cháu Lý Văn K (sinh ngày 08/8/2012) và cháu Lý Văn K1 (sinh ngày 12/11/2013) đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Lý Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Việc cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Án phí sơ thẩm: Chị Thạch Thị V có nghĩa vụ nộp án phí số tiền 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0007951 ngày 23/4/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ, chị V đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND KV7-Cần Thơ;
- THADS TP Cần Thơ;
- UBND xã T, TP Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thành Nghiệp